TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:26b/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/5/2023
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và bà Hoàng Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà:***Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2023, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1998, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn b, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh D, sinh năm 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời chị T trình bày: Chị T và anh D kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã , huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 25/07/2016. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc.

Chị T và anh D có 01 con chung: Cháu Q- sinh ngày 30/9/2015, đang học lớp 2 trường tiểu học K, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đang ở với anh D.

Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có.

Mâu thuẫn dẫn đến chị T xin ly hôn: Giữa anh D và chị T có những mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, có mâu thuẫn về mặt kinh tế trong gia đình. Dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, chỉ biết bổn phận của riêng mình, bỏ mặc nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên, bạn bè khuyên bảo nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa giải được và không có tiếng nói chung. Chị T và anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Nay chị T xin được ly hôn với anh D. Con chung: Chị T đồng ý giao cháu Q- sinh ngày 30/9/2015 cho anh D nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh D đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật tại nhà anh D – địa chỉ thôn Tân Sơn, xã Long Sơn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Duy chỉ, bị đơn anh D không chấp hành theo quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt không có lý do, anh D tự tước quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn và giải quyết cho chị T được ly hôn với anh D (chấm dứt hôn nhân). Giao cháu Q- sinh ngày 30/9/2015 cho anh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc Chị T chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn chị T và anh D. Bị đơn anh D đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh D: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh D, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Anh D vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa xét xử anh D đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phán bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Như vậy, anh D phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Về hôn nhân: Chị T và anh D xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Đắk Nông vào ngày 25/07/2016 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn: Chị T và anh D có những mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và trong sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, chỉ biết bổn phận của riêng mình, bỏ mặc nhau. Chị T và anh D đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, hai người sống ở hai nơi khác nhau và không còn liên lạc với nhau.

Qua xác minh, giữa chị T và anh D có mâu thuẫn, chị T và anh D đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, chị T đã bỏ đi khỏi thôn Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông từ cuối năm 2016 cho đến nay. Hiện nay anh D và chị T ở hai nơi khác nhau.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh D đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho chị T được ly hôn với anh D.

[6] Con chung: Chị T đồng ý giao cháu Q– sinh ngày 30/9/2015 cho anh D được quyền nuôi dưỡng vì hiện này cháu Thương đang ở với anh D. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D vắng mặt và không đưa ra quan điểm về con cái. Qua làm việc

với cháu Q, thì cháu Q có nguyện vọng ở với anh D, hiện tại cháu đang sinh sống cùng anh D. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp và cung như nguyện vọng của cháu Q nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho cháu Q cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cấn chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn xin ly của chị T với anh D.

2. Hôn nhân: Cho chị T ly hôn với anh D (chấm dứt hôn nhân).

3. Con chung: Giao cháu Q- sinh ngày 30/9/2015 cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành. Chị T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, anh D không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84, 107, 110,116 của Luật hôn nhân và gia đình.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007062 ngày 21/1/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Long Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hồng Duy